

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 167/2025/LĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2025

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân – Nguyên Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Ông Huỳnh Văn Thức – Công chức Tư pháp phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 97/2025/TLST-LĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2025/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Tổ E, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: Số B V, đường B, KCN V - Singapore, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông TAKENOIRI MASAHIRO, sinh năm 1976; địa chỉ: 9 K, N-K, Nhật Bản – là người đại diện theo pháp luật (Chức danh: Tổng Giám đốc Công ty TNHH S).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: 20/KDC 01, tổ 11, khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

2. Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào năm 2006 bà L có cho bà Nguyễn Thị H mượn giấy chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà L từ tháng 04 năm 2006 đến tháng 12 năm 2011 nhưng trên thực tế bà Nguyễn Thị H là người ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH S.

Do bà L có nhu cầu thực hiện các thủ tục rút bảo hiểm xã hội nên có đến liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố S để rút bảo hiểm theo đúng quy định. Sau đó, bà L được Bảo hiểm xã hội thành phố T thông báo thời điểm từ tháng 04 năm 2006 đến tháng 12 năm 2011 bà Nguyễn Thị L có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH S nên Công ty TNHH S có thực hiện đóng bảo hiểm lao động cho bà L vào thời gian nêu trên.

Tuy nhiên, trên thực tế khoảng thời điểm nêu trên bà L không ký hợp đồng lao động và không làm việc tại Công ty TNHH S. Do đó, đến nay bà L không thể thực hiện các thủ tục bảo hiểm xã hội theo đúng quy định.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH S là sai quy định, đã vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L được pháp luật bảo vệ. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thị H là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH S trong khoản thời gian làm từ tháng 04 năm 2006 đến tháng 12 năm 2011 là vô hiệu toàn bộ. Bà L không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Trong quá trình giải quyết, bị đơn Công ty TNHH S trình bày: Ngày 20/3/2006 Công ty có ký hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thị L và có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà L theo quy định của pháp luật. Đến tháng 12/2011, bà Nguyễn Thị L xin thôi việc và Công ty đã chốt sổ kèm quyết định cho thôi việc. Bà L đã đăng ký và hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng tại

Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh B. Sau 12 tháng, bà L cũng đã nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quy định. Vào thời gian trên, Công ty không có thông tin gì của người lao động tên Nguyễn Thị H nên Công ty không biết bà H. Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L thì đây là việc cá nhân với nhau, không liên quan đến Công ty N đề nghị Công ty đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật, Công ty sẽ thực hiện tuân thủ theo đúng phán quyết cuối cùng của Tòa án; đồng thời Công ty đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết, xét xử.

- Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào năm 2006, bà H có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị L để ký hợp đồng lao động đối với Công ty TNHH S. Trong quá trình làm việc tại Công ty TNHH S thì Công ty có tham gia đóng bảo hiểm cho bà H từ tháng 04/2006 đến tháng 12 năm 2011. Thực tế bản thân bà H có đi làm việc tại Công ty TNHH S và tham gia đóng bảo hiểm xã hội đúng theo quy định. Trước yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà H đồng ý. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; căn cước công dân số 040185012231 đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp với các mã số bảo hiểm xã hội 7410087203, 9106052285 và 0206191873. Cụ thể như sau:

Đối với mã số bảo hiểm xã hội 7410087203 tham gia từ 01/2010 đến nay tại Công ty TNHH T (V), Bảo hiểm xã hội thành phố S quản lý. Bảo hiểm xã hội thành phố T chưa thực hiện chốt sổ do người lao động còn đang đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T.

Đối với mã số bảo hiểm xã hội 9106052285 tham gia từ tháng 04/2006 đến tháng 12/2011 tại Công ty TNHH Sohwa Sài Gòn, Bảo hiểm xã hội thành phố S quản lý. Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện chốt sổ ngày 04/01/2012.

Đối với mã số bảo hiểm xã hội 0206191873 tham gia từ tháng 07/2006 đến tháng 01/2008, Bảo hiểm xã hội quận P quản lý. Bảo hiểm xã hội quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chốt sổ ngày 01/11/2019.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, Bảo hiểm xã hội thành phố S đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn Công ty TNHH S về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thị H là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH S trong khoản thời gian làm từ tháng 04/2006 đến tháng 12 năm 2011 là vô hiệu toàn bộ và bị đơn Công ty TNHH S có địa chỉ trụ sở tại số B V, đường số B, KCN V- Singapore, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 32; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 50 của Bộ luật Lao động.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bị đơn Công ty TNHH S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H và Bảo hiểm xã hội thành phố S đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[1.3]. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu; đồng thời các đương sự trong vụ án cũng không có yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H thống nhất nội dung: Bà L cho bà H mượn giấy tờ tùy thân của bà L để xác lập hợp

đồng lao động đối với Công ty TNHH S và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 04 năm 2006 đến tháng 12 năm 2011 tại Công ty TNHH S theo mã số Bảo hiểm xã hội 9106052285.

[2.2]. Tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 quy định: *Quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động được xác lập và tiến hành qua thương lượng, thoả thuận theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, thực hiện đầy đủ những Điều đã cam kết.*

Đồng thời, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 quy định: *Hợp đồng lao động được giao kết trực tiếp giữa người lao động với người sử dụng lao động.*

Theo Điều 17 và Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012 (khoản 1 Điều 15 và Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019) quy định khi giao kết hợp đồng lao động phải trên nguyên tắc: *Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực* và người lao động có nghĩa vụ: *Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu.*

Mặt khác, theo Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012 và Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: *Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ khi người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.*

[2.3]. Thực tế người lao động ký kết hợp đồng với Công ty TNHH S từ tháng 04/2006 đến tháng 12/2011, làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 9106052285 là bà Nguyễn Thị H, không phải bà Nguyễn Thị L. Việc bà H mượn giấy tờ tùy thân của bà L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn Công ty TNHH S về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

[2.5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[2.6] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu tiền án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9 và 30 Bộ luật Lao động năm 1994;

- Các Điều 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH S.

- Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH S trong thời gian từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 12 năm 2011 bị vô hiệu toàn bộ.

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Nguyễn Thị L theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000825 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

Huỳnh Ngọc Kiệt

Các thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

